

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HSST

Ngày: 02-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Nguru; Ông Phan Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2023/TLST-HS ngày 18/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐXXST-HS, ngày 19/7/2023 đối với các bị cáo sau:

1. Trần Văn Đ. Sinh ngày 07/02/1996, tại Quảng Bình. Nơi thường trú: thôn S, xã VN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình; Nơi ở hiện tại: lô B4-30 AT 38, phường MA, quận NHS, thành phố ĐN; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang T1 và bà Hoàng Thị Ph. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Minh Tuấn A. Sinh ngày 25/02/1996, tại Quảng Trị. Nơi thường trú: khu phố 01, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; Nơi ở hiện tại: 50 NK, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T2 và bà Ngô Thị H. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ:** Luật sư Hứa Thị Trung Nghĩa, Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng Gia, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** đều vắng mặt

1. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Gia Lai

2. Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

*** Người làm chứng:** đều vắng mặt

1. Anh Lê Huỳnh Đ1, sinh năm 1997,

- Trú tại: thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
2. Anh Lê Trung H, sinh năm 1998,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
3. Anh Lê Minh Th, sinh năm 2001,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
4. Anh Lê Minh H, sinh năm 2005,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
5. Anh Siêu Kh, sinh năm 1996,
Trú tại: làng TK, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai
6. Anh Nguyễn Lộc Gia H, sinh năm 2005,
Trú tại: thôn 01, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai
7. Chị Ngô Thị L, sinh năm 1999,
Trú tại: thôn 01, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
8. Anh Võ Trung Ng, sinh năm 2005,
Trú tại: thôn 02, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai
9. Anh Chỗi S, sinh năm 1996,
Trú tại: thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
10. Anh Lê Tấn M, sinh năm 2002,
Trú tại: thôn TL, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
11. Anh Ngô Văn Tr, sinh năm 2000,
Trú tại: thôn H, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
12. Anh H1, sinh năm 1998,
Trú tại: thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
13. Anh N1, sinh năm 1998,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
14. Anh Th1, sinh năm 1998,
Trú tại: thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
15. Anh Th2, sinh năm 2002,
Trú tại: thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
16. Anh DKH, sinh năm 2002,
Trú tại: thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
17. Anh B, sinh năm 2002,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
18. Anh Nguyễn Công tr, sinh năm 1996,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai
19. Anh Ph3, sinh năm 1996,
Trú tại: thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, Gia Lai.
20. Anh Lê Thanh Tr, sinh năm 2000,
Trú tại: tổ 37, phường PM, quận ST, thành phố Đà Nẵng.
21. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1997,
Trú tại: số 39 PL19, phường TKT, quận TK, thành phố Đà Nẵng.
22. Anh Lê Xuân Anh D, sinh năm 1997,
Trú tại: số 198 PCL, quận ST, thành phố Đà Nẵng.
23. Anh Đỗ Đăng Nh, sinh năm 2000,
Trú tại: số 02 ND, quận CL, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng chính sách chi trả tiền cho nhà phát hành Game, ứng dụng khi có nhiều lượt người xem, truy cập vào các Game, ứng dụng trên các trang mạng của Google, Trần Văn Đ đã thuê người viết ứng dụng (APP) dạng Game sau đó tải lên chợ ứng dụng CH Play của Google với lựa chọn cho phép chạy quảng cáo. Trần Văn Đ sử dụng 50 điện thoại di động cài phần mềm tự động thay đổi thông số điện thoại, tự động thay đổi địa chỉ IP nước ngoài, tự động xem quảng cáo trên các App Game do chính Đ đưa lên chợ ứng dụng CH Play để được Google trả tiền. Để nhận được tiền từ Google, Đ đã nhờ Lê Minh Tuấn A cho Đ mượn tài khoản ngân hàng của mình để Đ nhận tiền từ Google. Lê Minh Tuấn A đã cung cấp tài khoản ngân hàng số 1960006613 mở tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và tài khoản số 1020465324 mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để Đ sử dụng. Sau đó, Trần Văn Đ nhờ Lê Minh Tuấn A tìm người làm giúp cho Đ từ 20 đến 30 tài khoản ngân hàng để làm giả nhà phát hành Game. Lê Minh Tuấn A đồng ý. Lê Minh Tuấn A nói Lê Huỳnh Đ1 thu gom tài khoản ngân hàng với số tiền 500.000đ/01 tài khoản. Lê Huỳnh Đ1 tự mở tài khoản ngân hàng số 1022365415 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và nhờ người thân, bạn bè mở được 18 tài khoản tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam rồi chuyển lại cho Lê Minh Tuấn A. Cụ thể:

1. Tài khoản số 1022449366 đứng tên Lê Trung H (SN 1998, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
2. Tài khoản số 9327171116 đứng tên Lê Minh Th (SN 2001, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
3. Tài khoản số 1023049226 đứng tên Lê Minh H (SN 2005, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
4. Tài khoản số 1022450049 đứng tên Siêu Kh (SN 1996, làng TK, xã IR, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai)
5. Tài khoản số 1023049563 đứng tên Nguyễn Lộc Gia H (SN 2005, trú tại thôn 01, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai)
6. Tài khoản số 1022572147 đứng tên Ngô Thị L (SN 1999, trú tại thôn 01, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
7. Tài khoản số 1023049266 đứng tên Võ Trung Ng (SN 2005, trú tại thôn 02, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai)
8. Tài khoản số 1022449844 đứng tên Chỗi S (SN 1996, trú tại thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
9. Tài khoản số 1022573103 đứng tên Lê Tấn M (SN 2002, trú tại thôn Tân Lập, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
10. Tài khoản số 1022365762 đứng tên Ngô Văn Tr (SN 2000, trú tại thôn H, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
11. Tài khoản số 1022450557 đứng tên H1 (SN 1998, trú tại thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)

12. Tài khoản số 1022573296 đứng tên N1 (SN 1998, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
13. Tài khoản số 1022572426 đứng tên Th1 (SN 1998, trú tại thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
14. Tài khoản số 1022572763 đứng tên Th2 (SN 2002, trú tại thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
15. Tài khoản số 1022587500 đứng tên DKH (SN 2002, trú tại thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
16. Tài khoản số 1022587302 đứng tên B (SN 2002, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
17. Tài khoản số 1022558727 đứng tên Nguyễn Công tr (SN 1996, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
18. Tài khoản số 1200450941 đứng tên Ph3 (SN 1996, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, Gia Lai).

Bên cạnh đó, Lê Minh Tuấn A còn nhờ người mở 04 tài khoản tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Cụ thể:

1. Tài khoản số 1022181136 đứng tên Lê Thanh Tr (SN 2000, trú tại tổ 37, phường PM, quận ST, thành phố Đà Nẵng).
2. Tài khoản số 1022174206 đứng tên Nguyễn Văn Ph (SN 1997, trú tại số 39 PL 19, phường TKT, quận TK, thành phố Đà Nẵng).
3. Tài khoản số 1022190019 đứng tên Lê Xuân Anh D (SN 1997, trú tại số 198 PCL, quận ST, thành phố Đà Nẵng).
4. Tài khoản số 1022192759 đứng tên Đỗ Đăng Nh (SN 2000, trú tại số 02 ND, quận CL, thành phố Đà Nẵng).

Sau khi có thông tin của 23 tài khoản nói trên, Lê Minh Tuấn A đã chuyển cho Trần Văn Đ 23 thông tin tài khoản này cùng 02 tài khoản ngân hàng đứng tên của mình để Đ sử dụng. Trần Văn Đ đã chuyển cho Lê Minh Tuấn A số tiền 30.000.000 đồng. Lê Minh Tuấn A đã trả cho Lê Huỳnh Đ1 số tiền 9.500.000 (trong số 30.000.000 đồng mà Trần Văn Đ trả) để Lê Huỳnh Đ1 thu thập 18 tài khoản ngân hàng. Lê Huỳnh Đ1 đã chuyển mỗi cá nhân mở tài khoản cho Đ1 số tiền 150.000 đồng /người (bao gồm phí mở tài khoản ngân hàng và tiền công lao động).

Sau khi có được thông tin của 25 tài khoản trên, Trần Văn Đ đã sử dụng 15 tài khoản để thực hiện các giao dịch nhận tiền từ Google

Căn cứ vào bảng sao kê các tài khoản ngân hàng mà Trần Văn Đ sử dụng, từ ngày 16/8/2021 đến ngày 17/11/2021, nhà mạng Google đã chuyển vào các tài khoản của Trần Văn Đ với tổng số tiền là 37.655.406.085 đồng. Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Đ khai nhận: Đ thu lợi được số tiền khoảng 15.000.000.000đ sau khi trừ chi phí thực tế. Trần Văn Đ không kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân.

Tại công văn số 1622/CTGLA-TTKT3 ngày 17/8/2022 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai và Công văn số 4799 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thuế cầm Lệ - Hòa Vang xác định: Trần Văn Đ có thu nhập từ chính sách trả tiền cho Games có nhiều lượt xem, truy cập từ xa của nhà mạng Google. Đây là thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ có nội dung thông tin số thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế theo quy định. Đ thuộc đối tượng kê khai nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng

lần phát sinh, nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân cư trú (Chi cục Thuế khu vực Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn) và có hành vi trốn thuế vì cho đến nay Đ chưa nộp bất cứ tờ khai thuế Thu nhập cá nhân nào.

Tại bản kết luận giám định ngày 28/02/2023 của Chi cục Thuế khu vực Sơn Trà-Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng kết luận: Việc Trần Văn Đ không kê khai thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT), thuế thu nhập cá nhân (thuế TNCN, lệ phí môn bài khi nhận được tiền chi trả từ Google thông qua việc Google thực hiện chạy quảng cáo trên các app Games là không đúng quy định, là hành vi trốn thuế. Trường hợp số tiền Trần Văn Đ nhận được là 42.667.313.986 đồng thì tổng số tiền thuế GTGT, thuế TNCN trốn thuế là 2.986.759.042 đồng, lệ phí môn bài năm 2021 là 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, vào ngày 27/02/2023, Trần Văn Đ đã nộp vào ngân sách nhà nước với số tiền 3.423.342.712 đồng, trong đó thuế GTGT là 2.133.370.200 đồng, Thuế TNCN là 853.348.081 đồng, tiền chậm nộp thuế GTGT là 311.874.594 đồng, tiền chậm nộp thuế TNCH là 124.749.827 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKSGL-P1, ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 và tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Lê Minh Tuấn A về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng, thấy bị truy tố đều đúng tội, đều thấy ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” và tội “Trốn thuế”; Bị cáo Lê Minh Tuấn A phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”

Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ mức từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ mức từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội. Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chịu mức phạt từ 840.000.000 đồng đến 1.050.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Lê Minh Tuấn A từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Vật chứng của vụ án: Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động Iphone 6s bị cáo sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các máy

tính, điện thoại còn lại và 03 thẻ ATM trả cho bị cáo. Kiến nghị ngân hàng đóng các tài khoản.

- Về án phí: buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ, Luật sư Hứa Thị Trung Nghĩa nhất trí việc truy tố, xét xử bị cáo như luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức phạt tiền thấp nhất để bị cáo vừa chấp hành hình phạt vừa có điều kiện tốt hơn trong quá trình khám chữa bệnh. Đề nghị trả cho bị cáo các điện thoại di động và CPU máy tính, các vật chứng khác nhất trí như ý kiến Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định:

Do muốn thuận lợi trong việc cung cấp các sản phẩm và nhận các khoản tiền chi trả từ chính sách của Google nên ngoài việc sử dụng tài khoản cá nhân thì bị cáo Trần Văn Đ đã mượn 02 tài khoản của Lê Minh Tuấn A và nhờ TA tìm người làm giúp cho Đ từ 20 đến 30 tài khoản ngân hàng để làm giả nhà phát hành Game rồi nhận tiền thông qua các tài khoản này.

Bị cáo Lê Minh Tuấn A đã nói Lê Huỳnh Đ1 thu gom tài khoản ngân hàng với số tiền 500.000đ/01 tài khoản. Lê Huỳnh Đ1 tự mở tài khoản ngân hàng số 1022365415 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và nhờ người thân, bạn bè mở được 18 tài khoản tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam rồi chuyển lại cho Lê Minh Tuấn A. Bị cáo Anh đã chuyển cho bị cáo Đ 23 thông tin tài khoản Ngân hàng và nhận của bị cáo Đ 30.000.000đ. Số tiền này bị cáo TA chuyển cho Đ1 9.500.000đ, Đ1 đã chuyển tiền mở thẻ cho mỗi cá nhân 150.000đ.

Kết quả điều tra xác định từ ngày 16/8/2021 đến 17/11/2021 bị cáo Trần Văn Đ đã nhận được tiền chi trả từ Google qua các tài khoản với tổng số tiền là 42.667.313.986 đồng nhưng bị cáo không kê khai thuế, không nộp thuế cho Nhà nước theo quy định.

Tại kết luận giám định của Chi cục thuế khu vực Sơn Trà – Ngũ Hành Sơn, Cục thuế Đà Nẵng ngày 28/02/2023 đã kết luận: Trần Văn Đ không kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài khi nhận được tiền chi trả

từ Google thông qua việc Google thực hiện chạy quảng cáo trên các app Games là không đúng quy định của Luật quản lý thuế, thông tư số 40/2021 của Bộ tài chính; là hành vi trốn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài, số thuế trốn được tính là 7% trên số tiền nhận được. Trường hợp số tiền Đ nhận được là 42.667.313.986 đồng thì tổng số tiền thuế Trần Văn Đ trốn là 2.986.759.042 đồng (trong đó thuế GTGT là 2.133.399.316 đồng, thuế TNCN là 853.359.726 đồng); Lệ phí môn bài năm 2021 là 1.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Văn Đ tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự và tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Lê Minh Tuấn A tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của các bị cáo Trần Văn Đ và Lê Minh Tuấn A đã phạm vào khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự nên thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, xâm phạm quyền được bảo vệ bí mật thông tin của cá nhân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực Ngân hàng, tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác. Theo đó, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo TA là nhân viên Ngân hàng, biết rõ quy định trong lĩnh vực này nhưng vẫn thu thập thông tin tài khoản giao cho bị cáo Đ. Do đó, trong tội này vai trò của bị cáo TA nguy hiểm hơn bị cáo Đ nên hình phạt đối với bị cáo cũng nghiêm khắc hơn bị cáo Đ.

Hành vi trốn thuế của bị cáo Trần Văn Đ đã phạm vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự nên thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, xâm phạm quy định của nhà nước về thuế, xâm phạm tới lợi ích của nhà nước trong việc thu thuế, gây thất thu cho Ngân sách Nhà nước nên bị cáo cũng bị xét xử hình phạt tương xứng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải bằng cách nộp tiền thu lợi bất chính, nộp đầy đủ tiền thuế nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Đối với tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” bị cáo TA phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ phạm 02 tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Đối với “Trốn thuế” bị cáo Đ đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thuế nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

- Về hình phạt:

Đối với bị cáo TA thấy rằng: Hai bị cáo đều phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều

291 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ việc đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của hai bị cáo như trên, Hội đồng xét xử buộc bị cáo TA chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ để bị cáo tiếp tục được cải tạo dưới sự giúp đỡ của gia đình và địa phương mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Bị cáo TA có thu nhập thấp, đủ chi tiêu cá nhân nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo để bị cáo vừa chấp hành án và vừa đảm bảo cuộc sống của bản thân.

Đối với bị cáo Đ: Phạm hai tội, quá trình bị điều tra về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” thì Cơ quan điều tra tiếp tục phát hiện hành vi không kê khai thuế và trốn thuế của bị cáo. Bị cáo đã chủ động kê khai và nộp toàn bộ các khoản thuế và tiền chậm nộp theo quy định trước khi bị khởi tố về tội này cho thấy bị cáo đã biết ăn năn hối cải và tích cực sửa chữa sai lầm. Tại công văn số 573/CCTKV-KTr2 ngày 16/3/2023 của Chi cục thuế khu vực Sơn Trà – Ngũ Hành Sơn “V/v cung cấp thông tin cho Công an tỉnh Gia Lai” ngoài việc xác định hành vi của bị cáo Đ là trốn thuế thì cũng đề nghị xem xét việc “...thu nhập của ông Trần Văn Đ có được thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, là một nội dung mới, phát sinh trong thời gian diễn ra dịch Covid-19 và ông Đ cũng đã tự giác kê khai nộp toàn bộ số thuế phát sinh và tiền chậm nộp theo quy định...”, ngoài ra bản thân bị cáo xác nhận hiện nay có chỗ ở, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện vừa chữa bệnh (U gan đã phẫu thuật) vừa chấp hành hình phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tiền của cả hai tội.

Đối với tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” bị cáo phải chấp hành hình phạt tiền trong khung hình phạt; đối với tội “Trốn thuế” xem xét ý thức tự chấp hành và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được áp dụng, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền với mức dưới khung hình phạt và áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo TAcó thu nhập thấp, bị cáo Đ bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo TA đã nhận của bị cáo Đ là 30.000.000đ là tiền thu lợi bất chính, bị cáo đã tự nguyện nộp 10.000.000đ nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại, bị cáo TA đã chuyển cho anh Lê Huỳnh Đ1 9.500.000 đồng và dùng mua sim để kích hoạt tài khoản nên bị cáo không thu lợi số tiền này.

Đối với số tiền 9.500.000 đồng mà anh Lê Huỳnh Đ1 đã nhận của bị cáo Tuấn Anh, do anh Đ1 đã chuyển cho mỗi người mở thẻ 150.000đ phí phát hành thẻ nên anh Đ1 không thu lợi; Những người mở thẻ và nhận của anh Đ1 150.000đ do đã nộp phí phát hành thẻ nên đều không thu lợi.

Bị cáo Đ chưa nộp số tiền 1.000.000đ là lệ phí môn bài năm 2021 nên buộc bị cáo phải nộp để sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 02 (hai) CPU máy tính; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, số máy MLL93VN/A; 20 (hai mươi) điện thoại di động loại Xiaomi A1; 17 (mười bảy) điện thoại di động loại Iphone 6S; 14 (mười bốn) điện thoại di động

Google pixel; 23 (hai mươi ba) điện thoại di động loại Sam Sung Galaxy S9; 03 (ba) thẻ ATM mang tên Trần Văn Đ đều là phương tiện làm việc của bị cáo Đ, không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động loại Iphone 6S (máy số 03: không rõ imei do hỏng pin, không lên nguồn) bị cáo Đ sử dụng để liên lạc với bị cáo TA để thu thập tài khoản nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Điện thoại di động của bị cáo TA dùng liên lạc với bị cáo Đ nay không còn nên không có cơ sở thu hồi.

Đối với các tài khoản do bị cáo Lê Minh Tuấn A nhờ người khác mở tại các ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; các tài khoản ngân hàng do Lê Huỳnh Đ1 mở và nhờ người thân quen mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã giao cho bị cáo Đ sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội của hai bị cáo nên Hội đồng xét xử đề nghị các ngân hàng có liên quan đóng các tài khoản này.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” và tội “Trốn thuế”.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh Tuấn A phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ, mức phạt tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ, mức phạt tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội. Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chấp hành hình phạt tiền của hai tội là **840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng)**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Minh Tuấn A 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Minh Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị nơi thường trú của bị cáo để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường ĐL trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà bị cáo Lê Minh Tuấn A đã nộp theo biên lai số 0001101 ngày 18/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Buộc bị cáo Trần Văn Đ nộp 1.000.000 đồng tiền lệ phí môn bài năm 2021 để sung ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động loại Iphone 6S (Máy số 03: Không rõ Imei, do hỏng pin, không lên nguồn)

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Đ:

*** 02 (hai) CPU máy tính gồm:**

- 01 (một) CPU máy tính vỏ màu đen (không xác định chủng loại, nhãn mác, cấu hình, tình trạng hoạt động).

- 01 (một) CPU máy tính vỏ màu đen (không xác định chủng loại, nhãn mác, cấu hình, tình trạng hoạt động).

*** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, số máy MLL93VN/A.**

*** 20 (hai mươi) điện thoại di động loại Xiaomi A1 gồm:**

1. Máy số 01: Serial Number ki3e6chdptmt9sg4ef.

2. Máy số 02: Không rõ Imei/Serial Number (do hỏng pin, không lên nguồn).

3. Máy số 03: Không rõ Imei/Serial Number (do hỏng pin, không lên nguồn).

4. Máy số 04: Không rõ Imei/Serial Number (do hỏng pin, không lên nguồn).

5. Máy số 05: Serial Number 4b3680df9905.

6. Máy số 06: Serial Number 35d33a430704.

7. Máy số 07: Serial Number 01a6684d9905.

8. Máy số 08: Serial Number 575b8efc9905.

9. Máy số 09: Serial Number 29d5a2259805.

10. Máy số 10: Serial Number 426b05899805.

11. Máy số 11: Serial Number 35f0a48f0904.

12. Máy số 12: Serial Number 35c4395a9805.

13. Máy số 13: Serial Number 35f21d110504.

14. Máy số 14: Serial Number 0068ffb70704.

15. Máy số 15: Không rõ Imei/Serial Number (do hỏng pin, không lên nguồn).

16. Máy số 16: Không rõ Imei/Serial Number (do hỏng pin, không lên nguồn).

17. Máy số 17: Serial Number 35baa0f90704.

18. Máy số 18: Serial Number 1f2524eb9805.
19. Máy số 19: Serial Number 3419d1419805.
20. Máy số 20: Serial Number 1d88cc410704.

*** 17 (mười bảy) điện thoại di động loại Iphone 6S gồm:**

1. Máy số 01: Imei 355714072771774.
2. Máy số 02: Không rõ Imei (do không nhớ pass)
3. Máy số 04: Imei 355716071230512.
4. Máy số 05: Imei 355711071710787.
5. Máy số 06: Không rõ Imei (do hỏng pin, không lên nguồn).
6. Máy số 07: Không rõ Imei (do hỏng pin, không lên nguồn).
7. Máy số 08: Imei 353343071320714.
8. Máy số 09: Không rõ Imei (do hỏng pin, không lên nguồn).
9. Máy số 10: Không rõ Imei (do không nhớ pass).
10. Máy số 11: Imei 355715071088268.
11. Máy số 12: Imei 353263077232624.
12. Máy số 13: Imei 355429071324828.
13. Máy số 14: Imei 353345072560594.
14. máy số 15: Imei 354970076470042 (Bị nứt vỡ màn hình).
15. máy số 16: Không rõ Imei (do không nhớ pass).
16. Máy số 17: Không rõ Imei (do hỏng pin, không lên nguồn).
17. Máy số 18: Không rõ Imei (do hỏng pin, không lên nguồn).

*** 14(mười bốn) điện thoại di động Google pixel gồm:**

1. Máy số 01: Imei 359676090695994/15.
2. Máy số 02: Imei 359676090212642/46.
3. Máy số 03: Imei 359676090587936/41.
4. Máy số 04: Imei 359676092337538/43.
5. Máy số 05: Imei 359676093939126/43.
6. Máy số 06: Imei 359676091684666/43.
7. Máy số 07: Imei 359676090151543/43.
8. Máy số 08: Imei 359676093355802/40.
9. Máy số 09: Imei 359676091820419/25.
10. Máy số 10: Imei 359676093511222/43.
11. Máy số 11: Imei 359676091021471/15.
12. Máy số 12: Imei 359676090686621/41.
13. Máy số 13: Imei 359676090991146/43.
14. Máy số 14: Imei 359676091111520/26.

*** 23 (hai mươi ba) điện thoại di động loại Sam Sung Galaxy S9 gồm:**

1. Máy số 01: Serial Number 211daa8725037ece.
2. Máy số 02: Serial Number 1c5ad2a438037ece.
3. Máy số 03: Imei 867622048683778.
4. Máy số 04: Imei 865349045971442.
5. Máy số 05: Imei 352931097513329.
6. Máy số 06: Serial Number 9heq xv3hdgf7wv2s8v.
7. Máy số 07: Imei 358333084482739.
8. Máy số 08: Serial Number sk269v01kbn2j3x0j1.

9. Máy số 09: Imei 358502088466746.
10. Máy số 10: Imei 867622047964849.
11. Máy số 11: Serial Number c3o38ba42ge9fnfezm.
12. Máy số 12: Imei 358503088648903.
13. Máy số 13: Serial Number owscdm7easw2y109p6.
14. Máy số 14: Imei 356356086206295.
15. máy số 15: Imei 355624091214740.
16. máy số 16: Imei 358059089657781.
17. Máy số 17: 21b30fbccc0d7ece.
18. Máy số 18: Không rõ (do hỏng pin, không lên nguồn).
19. Máy số 19: Imei 358502088098267.
20. Máy số 20: Imei 352347104899124.
21. Máy số 21: Serial Number go366409swdi0n69ue.
22. Máy số 22: Imei 358503083196742.
23. Máy số 23: Serial Number 23a2b0ce0c017ece.

*** 03 (ba) thẻ ATM gồm:**

- 01 (một) thẻ ATM số 4541190199028967 mang tên Trần Văn Đ của ngân hàng VP Bank.
- 01 (một) thẻ ATM số 4089041060700275 mang tên Trần Văn Đ của ngân hàng MB Bank.
- 01 (một) thẻ ATM số 4524041841203246 mang tên Trần Văn Đ của ngân hàng Vietcombank.

Theo biên bản giao nhận vật chứng số 93/2023 ngày 08/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đề nghị ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam đóng các tài khoản sau đây:

1. Tài khoản số 1022449366 đứng tên Lê Trung H (SN 1998, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
2. Tài khoản số 9327171116 đứng tên Lê Minh Th (SN 2001, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
3. Tài khoản số 1023049226 đứng tên Lê Minh H (SN 2005, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
4. Tài khoản số 1022450049 đứng tên Siêu Kh (SN 1996, làng Tao Klar, xã Ia Ròng, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai)
5. Tài khoản số 1023049563 đứng tên Nguyễn Lộc Gia H (SN 2005, trú tại thôn 01, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai)
6. Tài khoản số 1022572147 đứng tên Ngô Thị L (SN 1999, trú tại thôn 01, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
7. Tài khoản số 1023049266 đứng tên Võ Trung Ng (SN 2005, trú tại thôn 02, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai)
8. Tài khoản số 1022449844 đứng tên ChỗiS (SN 1996, trú tại thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
9. Tài khoản số 1022573103 đứng tên Lê Tấn M (SN 2002, trú tại thôn Tân Lập, xã Tr, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)

10. Tài khoản số 1022365762 đứng tên Ngô Văn Tr (SN 2000, trú tại thôn Hlan, thị trấn Đắk Đoa, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai)
 11. Tài khoản số 1022450557 đứng tên H1 (SN 1998, trú tại thôn 02, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 12. Tài khoản số 1022573296 đứng tên N1 (SN 1998, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 13. Tài khoản số 1022572426 đứng tên Th1 (SN 1998, trú tại thôn Dur, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 14. Tài khoản số 1022572763 đứng tên Th2 (SN 2002, trú tại thôn Dur 2, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 15. Tài khoản số 1022587500 đứng tên DKH (SN 2002, trú tại thôn Dur, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 16. Tài khoản số 1022587302 đứng tên B (SN 2002, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 17. Tài khoản số 1022558727 đứng tên Nguyễn Công tr (SN 1996, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai)
 18. Tài khoản số 1200450941 đứng tên Ph3 (SN 1996, trú tại thôn 01, xã G, huyện ĐĐ, Gia Lai).
 19. Tài khoản số 1022181136 đứng tên Lê Thanh Tr (SN 2000, trú tại tổ 37, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng).
 20. Tài khoản số 1022174206 đứng tên Nguyễn Văn Ph (SN 1997, trú tại số 39 Phú Lộc 19, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).
 21. Tài khoản số 1022190019 đứng tên Lê Xuân Anh D (SN 1997, trú tại số 198 Phạm Cự Lượng, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng).
 22. Tài khoản số 1022192759 đứng tên Đỗ Đăng Nh (SN 2000, trú tại số 02 Nguyễn D, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).
 23. Tài khoản số 1022365415 đứng tên Lê Huỳnh Đ1 (SN 1997, trú tại: thôn D, xã G, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai).
 24. Tài khoản số 1020465324 đứng tên Lê Minh Tuấn A (SN 1996, trú tại Khu phố 01, phường ĐL, thành phố ĐH, Quảng Trị).
- Đề nghị Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đóng tài khoản sau đây:*** Tài khoản số 1960006613 đứng tên Lê Minh Tuấn A (SN 1996, trú tại Khu phố 01, phường ĐL, thành phố ĐH, Quảng Trị).

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn Đ và Lê Minh Tuấn A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng

cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao;
- TAND cấp cao;
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Hồng